

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Thực tập cơ sở - BVTV 1 (Plant Protection Internship)

- Mã số học phần: NS159
- Số tín chỉ học phần: 2 tín chỉ
- Số tiết học phần: 60 tiết thực tế

2. Đơn vị phụ trách học phần:

- Khoa: Bảo vệ Thực vật.
- Trường: Nông Nghiệp.

3. Điều kiện tiên quyết: Học phần này thực hiện vào năm thứ hai.

4. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu	Nội dung mục tiêu	CDR CTĐT
4.1	Kiến thức - Giúp sv có hiểu biết nhận thức ngành nghề BVTV qua thực tiễn sản xuất. - Cập nhật bổ sung kiến thức chuyên môn qua tham quan học tập thực tế. - Học tập cách quản lý dịch hại cây trồng ngoài đồng tại các địa phương. - Học tập cách tổ chức, hoạt động của một số công ty kinh doanh BVTV.	2.1.3a 2.1.3b 2.1.3c
4.2	Kỹ năng cứng - Rèn luyện sv có tính yêu nghề qua thực tế và các kỹ năng mềm hữu ích. - Áp dụng liên kết những kiến thức lý thuyết đã học vào thực tiễn sản xuất. - Thông qua chuyến đi thực tế ngoài trường giúp cho sv có cái nhìn tổng quát về công tác BVTV tại các địa phương, thấy được vai trò của ngành BVTV đóng góp tích cực trong sản xuất nông nghiệp vùng ĐBSCL. - Rèn luyện khả năng đánh giá, suy luận các vấn đề liên quan đến BVTV.	2.2.1a 2.2.1b
4.3	Kỹ năng mềm - Kỹ năng học tập theo nhóm và chủ động tổ chức nhóm học tập; kỹ năng nghe và thuyết trình trước đám đông, làm việc nhóm, thảo luận, đánh giá tình hình, kỹ năng giải quyết vấn đề trong chuyên môn. - Kỹ năng tự học, tự phát triển kiến thức của học phần đã được học tập từ thực tiễn, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành. Nâng cao kỹ năng tìm kiếm thông tin và có khả năng vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn.	2.2.2a 2.2.2b 2.2.2c
4.4	Thái độ - Giúp cho sv có thái độ đúng đắn trong giải quyết vấn đề liên quan BVTV, có đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực và sự hợp tác trong công việc. - Giúp sv có ý thức tự học, tự rèn luyện bản thân trong điều kiện thực tế. - Tự tin vận dụng các kỹ năng, kiến thức chuyên môn vào thực tiễn sản xuất giúp sinh viên tự tin hơn trong nghề nghiệp, cảm thấy yêu nghề hơn.	2.3

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

CDR HP	Nội dung chuẩn đầu ra	Mục tiêu	CDR CTĐT
	Kiến thức		
CO1	Qua tham quan thực tế giúp sv hiểu rõ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, các quy định của các cơ quan, viện trường, trung tâm nghiên cứu	4.1	2.1.3a 2.1.3b

CĐR HP	Nội dung chuẩn đầu ra	Mục tiêu	CĐR CTĐT
	đối với lĩnh vực BVTV, vai trò quản lý của ngành BVTV tại vùng ĐBSCL.		2.1.3c
CO2	Qua cọ sát với thực tế sinh viên tích lũy thêm kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm từ thực tế sản xuất, khi tiếp cận tham quan các mô hình, trang trại sản xuất nông nghiệp, hoặc công ty kinh doanh thuốc bvtv giúp cho sinh viên trải nghiệm thực tế và đam mê ngành nghề, hiểu rõ và cảm thấy yêu nghề BVTV hơn.	4.1	2.1.3a 2.1.3b 2.1.3c
CO3	Sinh viên tham quan học tập tại nhiều nơi khác nhau, như viện, trường, cơ quan nông nghiệp, trung tâm nghiên cứu, công ty kinh doanh thuốc bvtv, gia công đóng gói thuốc bvtv, các trang trại, canh tác hữu cơ, học hỏi kinh nghiệm từ các mô hình này.	4.1	2.1.3a 2.1.3b 2.1.3c
	Kỹ năng		
CO4	Có kỹ năng hiểu biết các vấn đề liên quan đến ngành BVTV tại các địa phương, tình hình sản xuất nông nghiệp có liên quan đến công tác BVTV, tìm hiểu một số loài gây hại chính trên các cây trồng phổ biến, cách quản lý dịch hại từ thực tế sx.	4.2	2.2.1a 2.2.1b
CO5	Kỹ năng làm việc nhóm, tích cực chủ động tổ chức nhóm học tập, thảo luận, phân tích các vấn đề liên quan từ các mô hình để có cái nhìn tổng quát hơn về tình hình sản xuất nông nghiệp.	4.3	2.2.2a 2.2.2b
	Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân		
CO6	Có trách nhiệm trong công việc; có thái độ, đạo đức nghề nghiệp, tinh thần hợp tác, phục vụ, tôn trọng, hòa nhã, có ý thức kỷ luật, khả năng thích ứng với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội. Có phương pháp suy nghĩ và làm việc khoa học; có ý thức tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn về BVTV.	4.4	2.3

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này tổ chức cho sinh viên đi tham quan tại các cơ quan nông nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học, trung tâm nghiên cứu, hợp tác xã, doanh nghiệp, trang trại sản xuất cây trồng, công ty kinh doanh, gia công đóng gói thuốc BVTV, các đại lý thuốc BVTV... nắm bắt tình hình dịch hại trên đồng ruộng; Tham quan các chương trình mô hình quản lý dịch hại thực tế trên đồng ruộng; Tham quan học tập các mô hình sản xuất tiên tiến, nông nghiệp công nghệ cao tại các vùng miền khác nhau. Học phần này nhằm giúp cho sinh viên nhận thức chức năng, vai trò ngành nghề BVTV quan trọng trong sản xuất nông nghiệp, từ đó tạo động lực cho sinh viên cảm thấy yêu nghề hơn.

6. Cấu trúc nội dung học phần:

Yêu cầu cơ bản của học phần này, sinh viên tự chi trả chi phí ăn, ở nơi thực tập và chi phí bảo hiểm, di chuyển.

Sinh viên sau khi học xong lý thuyết về các học phần cơ sở ngành BVTV cần có tích lũy kinh nghiệm thực tế, vận dụng các kiến thức đã học để tổng hợp, phân tích vấn đề thực tế trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; đồng thời tiếp cận các hoạt động công tác liên quan đến BVTV, cũng như tìm hiểu về các cơ quan nông nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học, trung tâm nghiên cứu, các trang trại, hợp tác xã, doanh nghiệp, công ty kinh doanh thuốc bvtv, học hỏi thêm kiến thức, kinh nghiệm thực tế, cũng cố thêm cho phần học lý thuyết, còn là cơ hội cho sinh viên liên hệ đi thực tập cơ sở 2 vào cuối năm thứ ba. Qua đợt thực tập này, sinh viên còn được bổ sung thêm kiến thức thực tế cho các học phần, đồng thời cũng giúp cho sinh viên nâng cao nhận thức, định hướng được tầm quan trọng ngành BVTV trong việc phát triển nông nghiệp. Khi kết thúc thời gian thực

tập cơ sở 1, sinh viên tổng hợp các kiến thức thực tế đã học tập được và kết hợp với lý thuyết để nhận xét tính thiết thực hiệu quả của các mô hình tham quan học tập, rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân, rèn luyện kỹ năng viết báo cáo phức trình về các hoạt động đã tham quan học tập được. Kết quả báo cáo và bài thi cuối môn sẽ được đánh giá bởi các giảng viên tham gia giảng dạy và hướng dẫn sinh viên trong đợt thực tập cơ sở này. Thời gian đi thực tập cơ sở cũng là cơ hội rất tốt để sinh viên trải nghiệm thực tế, cọ sát với thực tế sản xuất, rèn luyện nhiều kỹ năng mềm giúp sinh viên tự tin hơn, vững vàng hơn và cũng là cơ hội hữu ích giúp cho sinh viên tìm kiếm việc làm sau khi ra trường.

TT	Nội dung thực tập cơ sở	Số tiết	CĐR HP
1	Tham quan các mô hình sản xuất nông nghiệp, các cơ quan, viện, trường, công ty, trang trại, hợp tác xã tại các tỉnh ĐBSCL	6	CO1 CO2
2	Tham quan các mô hình ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, canh tác hữu cơ, nhiều loại cây trồng tại các tỉnh ĐBSCL	12	CO2 CO3
3	Tham quan các mô hình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP và ứng dụng công nghệ cao, các công ty kinh doanh thuốc bvtv, các đại lý thuốc, các mô hình canh tác hiệu quả cao, sản xuất giỏi	18	CO3 CO4 CO5
4	Tham quan các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hệ sinh thái nông nghiệp tại các tỉnh miền Đông nam bộ	24	CO5 CO6

7. Phương pháp giảng dạy:

- Hướng dẫn sinh viên cách vận dụng kiến thức đã học lý thuyết vào thực tiễn.
- Hướng dẫn sinh viên thực hiện các bài thực tập/ thực hành ngoài đồng ruộng.
- Hướng dẫn rèn luyện các kỹ năng mềm, tư duy khi va chạm, cọ sát với thực tế.
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên trong quá trình thực tập cơ sở tại các địa phương.

8. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực tập và có báo cáo phức trình thực tập hàng ngày.
- Thực hiện đầy đủ các bài thực tập nhóm và tìm hiểu ghi nhận thông tin thực tế.
- Khi kết thúc đợt thực tập cơ sở thì sinh viên trở về trường làm báo cáo tổng kết nội dung thực tập cơ sở dưới dạng file word và ppt để nộp lại cho thầy cô chấm điểm.
- Sinh viên nộp lại phức trình thực tập cơ sở cho thầy cô hướng dẫn thực tập.
- Sinh viên không được tách khỏi đoàn trong thời gian thực tập cơ sở, nếu thực sự cần vắng mặt thì phải xin phép với thầy cô hướng dẫn thực tập.
- Sinh viên phải chấp hành theo quy định thực tập ngoài trường và qui định tại cơ sở tham quan thực tập, lưu ý đảm bảo an toàn trong thời gian thực tập cơ sở.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	CĐR HP
1	Điểm chuyên cần	Tham gia thực tập đầy đủ, tích cực học tập tại các điểm tham quan thực tập cơ sở	10%	CO1-3 CO4-6
2	Điểm phức trình	Viết phức trình đầy đủ để nộp	40%	CO1-4
3	Điểm thi kết thúc học phần	Thi tự luận cuối môn về các nội dung có liên quan đợt thực tập, hoặc nộp bài thu hoạch về chuyến đi thực tập cơ sở đã học được	50%	CO1-4 CO5-6

9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

10. Tài liệu học tập:

Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
[1]. Côn trùng gây hại cây trồng/Nguyễn Văn Huỳnh và Lê Thị Sen: Nhà Xuất Bản Nông Nghiệp, 2018 Số thứ tự trên kệ sách: 632.7/H531	NN.017746, NN.017747, NN.017748, NN.017749, NN.017750; NN.017784, NN.017785, NN.017786, NN.017787, NN.017788, NN.017789, NN.017790, NN.017791, NN.017792, NN.017793, NN.017794, NN.017795, NN.017796, NN.017797, NN.017798
[2] Côn trùng, nhện gây hại cây ăn trái tại Việt Nam và thiên địch/Nguyễn Thị Thu Cúc: Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, 2015 Số thứ tự trên kệ sách: 634.0497/C506	NN.016726, MON.061884, MON.054881, MOL.087630
[3] Giáo trình côn trùng đại cương/Nguyễn Thị Thu Cúc: Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, 2010 Số thứ tự trên kệ sách: 595.7/C506	MOL.063244, MOL.063245, MOL.063246, MOL.063247, MOL.063248, MOL.063249, MOL.063250, MON.041872, MON.041873, MON.041874
[4] Các bệnh hại lúa quan trọng ở Đồng bằng sông Cửu Long/Phạm Văn Kim: Nhà xuất bản Nông nghiệp, 2015 Số thứ tự trên kệ sách: 633.18/K310	NN.016880, NN.016881, NN.016882, NN.016883, NN.016884
[5] Bệnh cây/Vũ Triệu Mân và Lê Lương Tê: Nhà xuất bản Nông nghiệp, 1998. Số thứ tự trên kệ sách: 632/Gi108	NN.007380, NN.007381, NN.007383, NN.007384, NN.007385
[6] Giáo trình Hóa bảo vệ thực vật/Trần Văn Hai: Trường Đại học Cần Thơ, 2005 Số thứ tự trên kệ sách: 632.95/H103	NN.014552, NN.014553, NN.014554, NN.014555, NN.014556, NN.014557, NN.014558, NN.014559, NN.014560, NN.014561

Cần Thơ, ngày 24 tháng 9 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐH. CẦN THƠ
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP



Lê Văn Vàng

TRƯỜNG KHOA

Nguyễn Thị Thu Nga